

Số: 34 /2025/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định
về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định
về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho
công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-
BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định
về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho
công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân công nhiệm vụ quản
lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ
quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 07
tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định phân
công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định
số 69/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Bình Thuận ban hành quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

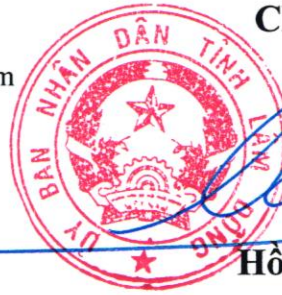
Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Kho Bạc Nhà nước khu vực XVI;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Hạ tầng và Công nghệ số tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Hồ Văn Mười



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số **34** /2025/QĐ-UBND)

Phần I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc phân công tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh theo nhiệm vụ quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá.

Phần II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền về đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá trên cơ sở đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khi có đề nghị hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Triển khai bình ổn giá theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Xây dựng báo cáo bình ổn giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo yêu cầu của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Xây dựng văn bản đề nghị bình ổn giá (gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá (thông qua Sở Tài chính) theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

- Sở Công Thương: Các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

- Sở Y tế: Các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu.

- Sở quản lý ngành, lĩnh vực: Hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

c) Thực hiện đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá; gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp.

d) Chủ trì tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo các quyết định về chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:

a) Chấp hành biện pháp bình ổn giá đã được công bố.

b) Thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

Điều 4. Phân công thực hiện nhiệm vụ định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Thực hiện thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá năm 2023 và điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

d) Lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Điều 21 Luật Giá năm 2023 và Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 21 Luật Giá năm 2023 và Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, tổng hợp, rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính:

a) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá định kỳ trước ngày 10 tháng 02 hàng năm theo đề nghị của sở quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh theo Nghị định của Chính phủ ban hành điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và theo đề nghị của sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này theo quy định tại Điều 28 Luật Giá năm 2023, Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (thông qua Sở Tài chính) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào danh sách thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh theo phân công tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này (Danh sách gửi về Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 01 hàng năm) theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá theo phân công tiếp nhận kê khai giá tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này theo quy định tại Điều 28 Luật Giá năm 2023, Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Phân công thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và Điều 33 Luật Giá năm 2023.

Điều 7. Phân công thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Trên cơ sở dữ liệu báo cáo của các sở quản lý ngành, lĩnh vực tại khoản 2 Điều này, Sở Tài chính thực hiện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý trình trực tiếp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tình hình quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Thông tư số 29/2024/TT-BTC theo phân công cụ thể như sau:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Các mặt hàng lương thực, thực phẩm, vật tư nông nghiệp tại mục I, II Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Xây dựng: Các mặt hàng vật liệu xây dựng gồm xi măng các loại, cát xây, cát vàng, cát đen đổ nền, gạch xây tại mục III, mục V Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Công Thương: Các mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), thép, phôi thép tại mục III Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Y tế: Dịch vụ y tế tại mục IV Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Dịch vụ giáo dục tại mục VI Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Theo phân công tại điểm a khoản 2 Điều này tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý theo yêu cầu phối hợp của bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Chi Cục Thống kê tỉnh phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương, phân tích diễn biến chỉ số giá tiêu dùng của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có), phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp báo cáo giá thị trường cho Sở Tài chính và các sở quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

5. Thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng kế tiếp đối với báo cáo tháng và trước ngày 02 của tháng kế tiếp tháng cuối cùng của kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

6. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Điều 8. Phân công thực hiện xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

- Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Thực hiện cập nhật thông tin dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá:

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu.

- Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 9. Phân công trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc tỉnh về việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và các quy định tại Luật Giá năm 2023 và văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện bình ổn giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung quản lý Nhà nước về giá không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

3. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ TRÌNH VĂN BẢN ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
I	Định khung giá	
1	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Dịch vụ sử dụng pha được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
II	Định giá tối đa	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
4	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ sử dụng pha được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
6.1	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
6.2	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga của cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể	
III.1	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ	
1	Nước sạch	
1.1	Nước sinh hoạt nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
1.2	Nước sạch sinh hoạt đô thị	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
III.2	Định giá cụ thể	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghỉ trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực



Phụ lục II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu		Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này	Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Xây dựng
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Xây dựng
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường